TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 5 - 2020
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020. Giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Ấp Mương Đào, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Ấp Hai Tỷ, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Trần Văn Đ trình bày:

Anh và Chị Nguyễn Thị Cẩm T qua mai mối mới quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/7/2005.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp tánh tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau dẫn đến mất dần tình cảm, anh và chị Tđã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống anh và chị Tcó hai con chung tên Trần Nhật Ân, sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Minh Đầy, sinh ngày: 20/02/2009. Hiên nay các con đang chung sống với anh Đông.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay anh Đkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Cẩm T. Về con chung: Anh Đyêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị Tphải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản và nợ chung: Không có.

Chị Tđã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập chị Tđến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị Tvẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Tnên đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Tlà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Đcó đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/5/2020, chị Tđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đvà chị Ttheo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Anh Đvà chị Tchung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 197 ngày 08/7/2005 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy anh, chị đã sống ly thân từ năm 2016, từ đó đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Đyêu cầu được ly hôn với chị Tlà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh Đvà chị Tcó hai con chung là Trần Nhật Ân, sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Minh Đầy, sinh ngày: 20/02/2009, hiện nay các con đang chung sống với anh Đông. Nay anh Đyêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị Tphải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của anh Đlà có cơ sở chấp nhận - Xét thấy hiện nay dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh Đông, cháu Ân và cháu Đầy đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Anh Đcũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc khác tại bản tự khai ngày 17/4/2020 cháu Ân và cháu Đầy có nguyện vọng tiếp tục chung sống với anh Đông. Xét yêu cầu của anh Đông, nguyện vọng của cháu Ân và cháu Đầy là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án ghi nhận. Chị Tcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đyêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003166 ngày 25/02/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Anh Trần Văn Đ được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Nhật Ân, sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Minh Đầy, sinh ngày: 20/02/2009 cho Anh Trần Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị Nguyễn Thị Cẩm T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Anh Trần Văn Đ phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003166 ngày 25/02/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm